

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày: 30/6/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Bà Nguyễn Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thế Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **NGUYỄN MINH P.** Sinh năm 1997 tại tỉnh G. Nơi cư trú: Tổ 8, phường Thg L, thành phố P, tỉnh G. Nghề nghiệp: Thợ hồ. Trình độ học vấn: 09/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Công giáo. Bị cáo có cha là ông Nguyễn Văn Thạch, sinh năm 1960 và mẹ là bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1964. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa.

2. **TẠ TRUNG T.** Sinh năm 1997 tại tỉnh G. Nơi cư trú: Tổ 3, phường Thg L, thành phố P, tỉnh G. Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng. Trình độ học vấn: 08/12. Dân tộc: Kinh. Bị cáo có cha là ông Tạ Hữu Dương, sinh năm 1968 (hiện nay làm gì, ở đâu không xác định) và mẹ là bà Vũ Thị Diệp, sinh năm 1979. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: 01, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Ch, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn Hàm Ròng, xã Ia Bắ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

2. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 5, phường Thg L, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

4. Chị Phan Thị Ti, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

5. Ông Rơ Châm By, sinh năm 1969. Trú tại: Làng Brông, xã Nghĩa Hưng, huyện Ch P, tỉnh G. Có mặt.

6. Anh Ksor Đi, sinh năm 1998. Trú tại: Làng Jar, xã Chư Đăng Ya, huyện Ch P, tỉnh G. Vắng mặt.

7. Anh Lê Hoài N, sinh năm 1979. Trú tại: Tổ 1, phường Diên Hồng, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Văn D, sinh năm 1964. Trú tại: 01/7 Lạc Long Quân, phường Thg L, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người phiên dịch: ông Rơ Châm Nung. Trú tại: Làng Brông, xã Nghĩa Hưng, huyện Ch P, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 3 năm 2019 đến ngày 22 tháng 11 năm 2019, các bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện Đ, huyện Ch P và thành phố P, tỉnh G, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ ngày 09 tháng 3 năm 2019, Tạ Trung T đi dự đám cưới bạn tại số 117 đường Lạc Long Quân, phường Thg L, thành phố P, tỉnh G. T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển kiểm soát (BKS) 81B2- 321.24 của ông Nguyễn Ch (sinh năm 1966, trú tại: Thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G) dựng tại bãi đất trống trước rạp đám cưới và không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên. T gọi điện thoại rủ P trộm cắp chiếc xe mô tô trên, P đồng ý và đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer (không rõ biển số) mượn của Lê Công Anh trước đó đi từ nhà thuộc Tổ 8, phường Thg L, thành phố P, tỉnh G đến chỗ hẹn. T chỉ cho P thấy xe mô tô BKS 81B2- 321.24 và Ti tục đi vào dự đám cưới. P đưa chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer cho T và Ti cặn xe mô tô BKS 81B2- 321.24 dùng tay đấu nối dây điện và nổ máy xe điều khiển chạy đến bờ ruộng sau lưng nhà T thuộc phường Thg L, thành phố P, tỉnh G. Sau đó, T lái xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer về trả cho Lê Công Anh. T và P

liên lạc với nhau qua điện thoại, T điều khiển xe mô tô BKS 81B2- 612.76 đến gặp P tại bờ ruộng sau lưng nhà T, cả hai giấu xe mô tô BKS 81B2- 321.24 tại đây. P chụp hình xe mô tô BKS 81B2- 321.24 và đăng bán trên mạng xã hội face book. Có một đối tượng nam giới đã liên lạc với P hỏi mua xe, P và T đã lấy xe BKS 81B2- 321.24 đi đến ngã tư Lâm Nghiệp thành phố P, tỉnh G bán xe mô tô trên cho đối tượng nam giới trên (Người này không rõ tên, địa chỉ, lai lịch) với số tiền 10.000.000đồng, chia nhau mỗi người được 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, anh Nguyễn Ch làm đơn trình báo sự việc bị mất trộm xe mô tô đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 190 ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P xác định: Xe mô tô BKS 81B2- 321.24 tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 33.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 19 giờ ngày 25 tháng 5 năm 2019, Tạ Trung T rủ Nguyễn Minh P đi trộm cắp xe mô tô, rồi T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 81B2- 612.76 chở P đi đến huyện Đ, tỉnh G. Khi cả hai đến trước quán cà phê Moka tại số 306A đường Trần Phú thuộc: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Airblade BKS 81B1- 799.84 của anh Vũ Văn H (sinh năm 1991, trú tại: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, là khách đến quán Moka uống cà phê) dựng ở trước cổng quán gần mép đường Trần Phú, xe không khóa cốp và không có người trông coi. T dừng xe lại để P đi bộ đến Ti cận rồi dắt xe mô tô BKS 81B1-799.84 ra đường, P ngồi lên xe mô tô BKS 81B1- 799.84 để T điều khiển xe mô tô BKS 81B2- 612.76 đẩy đi từ phía sau. Cả hai mang xe trộm cắp được về giấu sau vườn nhà của P rồi T đi về, P vào nhà ngủ. Đến khoảng 14 giờ ngày 26 tháng 5 năm 2019, T và P đi tìm một người thợ sửa khóa dạo ở gần khách sạn Hoàng Anh G (không rõ nhân thân, lai lịch) để thuê người thợ này làm một chìa khóa cho xe mô tô BKS 81B1- 799.84. Sau khi làm xong chìa khóa, P gọi điện thoại cho đối tượng là nam giới (Người đã mua xe mô tô BKS 81B2- 321.24) để giao dịch bán xe BKS 81B1- 799.84. T và P đã đến Ngã tư Biển Hồ, thành phố P, tỉnh G gặp và giao dịch bán xe mô tô BKS 81B1- 799.84 cho người này với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền này T và P chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26 tháng 5 năm 2019, anh Vũ Văn H làm đơn trình báo sự việc bị mất trộm xe mô tô đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 59 ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định: Xe mô tô BKS 81B1- 799.84 tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 25.600.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 21 tháng 9 năm 2019, T điều khiển xe mô tô BKS 81B2- 612.76 chở P đi dạo, khi đi đến Bệnh viện Nhi thuộc thành phố P, tỉnh G thì cả hai dừng xe vào mua nước uống. P nhìn thấy trong khuôn viên Bệnh

viện Nhi có xe mô tô nhãn hiệu Jupiter BKS 81B1- 653.61 của chị Nguyễn Thị Ngọc L (sinh năm 1984, trú tại: Tổ 5, phường Thg L, thành phố P, tỉnh G) không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp, P đi đến vị trí để xe mô tô BKS 81B1- 653.61, dùng chìa khóa mang theo đút vào ổ khóa mở được và nổ máy xe rồi điều khiển xe chạy ra khỏi Bệnh viện, T đứng ngoài cảnh giới, rồi T điều khiển xe 81B2- 612.76 theo sau. Cả hai chạy xe đến bờ ruộng phía sau nhà T thuộc phường Thg L, thành phố P, tỉnh G cất giấu xe mô tô BKS 81B1- 653.61 mới trộm cắp được, sau đó T chở P về nhà. Đến ngày 23 tháng 9 năm 2019, T và P sử dụng xe mô tô BKS 81B1- 653.61 xuống huyện Đ, tỉnh G trộm cắp xe mô tô BKS 81B1- 794.46 rồi bỏ lại xe mô tô BKS 81B1- 653.61 tại rẫy cà phê của ông Nguyễn Văn Khiêm thuộc làng Krun, xã HNeng, huyện Đ, tỉnh G.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, chị Nguyễn Thị Ngọc L làm đơn trình báo sự việc bị mất trộm xe mô tô đến Cơ quan điều tra Công an thành phố P để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 190 ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P xác định: Xe mô tô BKS 81B1- 653.61 tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 5.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 14 giờ ngày 23 tháng 9 năm 2019, P rủ T xuống huyện Đ tìm xe mô tô trộm cắp, T điều khiển xe nhãn hiệu Jupiter BKS 81B1- 653.61 (xe trộm cắp được tại Bệnh viện Nhi vào chiều ngày 21 tháng 9 năm 2019) chở P đi đến huyện Đ, tỉnh G. Khi cả hai đến trước cổng Trường Mần non thị trấn Đ thuộc Tổ dân phố (TDP 7), thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G thì T nhìn thấy có xe mô tô nhãn hiệu Airblade BKS 81B1- 794.46 của chị Phan Thị Ti (sinh năm 1987, trú tại: TDP 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) dựng ở trước cổng Trường Mần non, xe không khóa cốp và không có người trông coi nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên. T dùng xe lại rồi đi bộ đến Ti cận và dắt trộm xe mô tô BKS 81B1- 794.46 đi đến chỗ P đang đợi, T ngồi lên xe mô tô BKS 81B1- 794.46 mới trộm cắp được để P điều khiển xe mô tô BKS 81B1- 653.61 đẩy đi từ phía sau. Cả hai đi đến rẫy cà phê của ông Nguyễn Văn Khiêm thuộc làng Krun, xã HNeng, huyện Đ, tỉnh G thì dừng lại. P tháo mặt nạ xe mô tô BKS 81B1-794.46 để đấu dây điện nổ máy và mở được khóa cốp của xe nên cả hai lục tìm trong cốp xe thấy có Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 81B1-794.46 và 01 ví nữ bên trong có số tiền 2.000.000 đồng nên giữ lại. Còn các giấy tờ và túi xách, các đồ vật khác trong cốp xe thì vứt lại tại rẫy cà phê của ông Khiêm. Cả hai bỏ lại xe mô tô BKS 81B1- 653.61 rồi điều khiển xe mô tô BKS 81B1- 794.46 về cất giấu ở phía sau vườn nhà của P. Sau đó, T và P đi xe mô tô BKS 81B1- 794.46 đến bán tại tiệm Hon da Lực thuộc thành phố P, tỉnh G nhưng chủ tiệm không mua do xe không chính chủ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24 tháng 9 năm 2019, T điều khiển xe mô tô BKS 81B2- 612.76 qua nhà P rồi P gọi điện thoại cho đối tượng nam giới (người đã mua xe của P và T trước đó) để T giao

dịch bán xe mô tô BKS 81B1- 794.46. T và P đã đến Khu công nghiệp Trà Đa, thành phố P bán xe mô tô BKS 81B1- 794.46 cho người này với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền bán xe được thì T và P chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng, số tiền 2.000.000 đồng lấy trong ví thì chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng, cả 2 đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, chị Phan Thị Ti làm đơn trình báo sự việc bị mất trộm xe mô tô đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 115 ngày 01 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định: Xe mô tô BKS 81B1-794.46 tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 32.200.000 đồng; đối với chiếc ví không có cơ sở định giá. Như vậy, tài sản các bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 34.200.000 đồng.

Lần thứ năm: Khoảng 14 giờ ngày 25 tháng 10 năm 2019, P rủ T đi trộm cắp xe mô tô, T điều khiển xe mô tô BKS 81B2- 612.76 chở P đi đến huyện Ch P, tỉnh G tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi cả hai đi đến trước tiệm Vật liệu xây dựng của ông Lã Ngọc Năm tại Thôn 8, xã Nghĩa Hưng, huyện Ch P, tỉnh G thì nhìn thấy có xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS 81B2- 309.82 của ông Rơ Châm By (sinh năm 1969, trú tại: Làng Brông, xã Nghĩa Hưng, huyện Ch P, tỉnh G) dựng ở đó, không có người trông coi nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp. T dừng xe đứng cạnh giới để P Ti cận xe mô tô BKS 81B2- 309.82 rồi đấu dây điện nổ máy chạy về hướng thành phố P, tỉnh G. T điều khiển xe mô tô BKS 81B2- 612.76 đi theo sau đi về giấu xe trộm cắp được ở sau vườn nhà P rồi T ra về. Sau đó, P giữ lại xe mô tô BKS 81B2- 309.82 làm phương tiện sử dụng. Để thuận lợi cho việc sử dụng xe nên P đã lên mạng xã hội Face book đặt mua biển số giả là 81B2- 136.82 và Giấy đăng ký xe giả tương ứng với biển số 81B2- 136.82 để sử dụng, còn biển số 81B2-309.82 thì P vứt bỏ ở gần khu công nghiệp Trà Đa thuộc xã Trà Đa, thành phố P, tỉnh G.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019, anh Rơ Châm By làm đơn trình báo sự việc bị mất trộm xe mô tô đến Cơ quan điều tra Công an huyện Ch P để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ch P xác định: Xe mô tô BKS 81B2- 309.82 tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 28.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Khoảng 14 giờ ngày 14 tháng 11 năm 2019, P rủ T đi trộm cắp xe mô tô, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển số giả 81B2- 136.82 (xe lấy trộm tại huyện Ch P vào ngày 25 tháng 10 năm 2019) chở P đi đến huyện Ch P tìm xe trộm cắp. Khi cả hai đi đến trước công Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Ch P thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS 81B2- 602.72 của ông KSor Đi (sinh năm 1998, trú tại: Làng Jar, xã Chư Đăng Ya, huyện Ch P, tỉnh G) dựng ở ngoài cổng, không có người trông coi nên cả hai nảy sinh ý định trộm

cấp. T dừng xe đứng cạnh giới ở ngoài, còn P đi vào chỗ để xe mô tô đầu dây điện, nổ máy xe chạy về hướng thành phố P, tỉnh G; T điều khiển xe mô tô biển số giả 81B2- 136.82 chạy theo sau về giấu xe mô tô trộm cắp được trong nhà của T và T giữ lại xe để sử dụng. P đã lên mạng xã hội Face book đặt mua biển số giả 81 B2- 603.66, Giấy đăng ký xe giả tương ứng với biển số 81B2- 603.66 và đưa cho T lắp vào xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS 81B2- 602.72 để sử dụng, còn biển số xe mô tô 81B2- 602.72 thì P và T vứt bỏ ở gần khu công nghiệp Trà Đa thuộc xã Trà Đa, thành phố P, tỉnh G.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019, anh Ksor Đi làm đơn trình báo sự việc bị mất trộm xe mô tô đến Cơ quan điều tra Công an huyện Ch P để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 27 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ch P xác định: Xe mô tô BKS 81B2- 602.72 tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 37.000.000 đồng.

Lần thứ bảy: Vào khoảng 08 giờ ngày 22 tháng 11 năm 2019, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter gắn biển số giả 81B2- 603.66 (xe này P và T lấy trộm ở huyện Ch P trước đó) đi qua nhà P chơi, sau đó P rủ T đi xuống huyện Đ tìm xe mô tô trộm cắp. T điều khiển xe mô tô biển số giả 81B2- 603.66 chở P đi đến trước Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Đ thuộc TDP 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, T nhìn thấy có một xe mô tô nhãn hiệu Airblade BKS 81B1- 874.88 của anh Lê Hoài N (sinh năm 1979, trú tại: Tổ 1, phường Diên Hồng, thành phố P, tỉnh G) dựng ở sân trụ sở Ngân hàng, không có người trông coi. T điều khiển xe đến trước cổng Ngân hàng rồi dừng lại để P đi bộ vào sân Ngân hàng quan sát một lúc thì P quay ra chỗ T, rồi T đi đến chỗ để xe mô tô BKS 81 B1- 874.88 và dắt ra ngoài. P ngồi lên xe trộm cắp được để T điều khiển xe mô tô biển số giả 81B2- 603.66 đẩy đi từ phía sau. Cả hai đi vào một đường nhánh đến chỗ vắng người rồi dừng lại để P tháo mặt nạ xe để đầu dây điện nổ máy. Cả hai điều khiển xe đi về lại thành phố P và giấu xe mô tô trộm cắp được tại nhà của T. Sau đó, P gọi điện thoại cho đối tượng nam giới (người mua xe mô tô của P và T trộm cắp trước đó) để T giao dịch bán xe mô tô BKS 81 B1- 874.88. T và P điều khiển xe mô tô đến ngã tư Lâm Nghiệp thuộc phường Trà Bá, thành phố P gặp và bán xe mô tô trộm cắp được cho người này với số tiền là 10.000.000 đồng. Số tiền bán xe, T và P chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24 tháng 11 năm 2019, anh Lê Hoài N làm đơn trình báo sự việc bị mất trộm xe mô tô đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 117 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định: Xe mô tô BKS 81B1-874.88 tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 30.100.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Vào khoảng 14 giờ một ngày trong tháng 11/2019, T điều khiển xe Exciter gắn biển số giả 81B2- 603.66 (lấy trộm

được ở huyện Ch P vào ngày 14 tháng 11 năm 2019) chở P đi ra xã Trà Đa, thành phố P, tỉnh G. Trên đường đi gần đến Cầu Sắt thuộc làng Mơ Núi, xã Chư Á, thành phố P, tỉnh G thì cả hai nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu trắng đen (không rõ biển số) có gắn chìa khóa trên xe và không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. P nói T dừng xe rồi P đến Ti cận và nổ máy xe mô tô trộm cắp được chạy về bờ ruộng sau lưng nhà của T để cất giấu, T điều khiển xe chạy theo sau. Sau khi trộm cắp xe, P liên lạc bằng điện thoại với đối tượng nam giới (người đã mua xe của P và T trước đó) để giao dịch mua bán xe. P và T đã bán xe Sirius cho nam giới trên tại ngã tư Lâm Nghiệp thuộc phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh G được 3.000.000 đồng, số tiền bán xe được chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Đối với vụ trộm cắp tài sản lần này, hiện chưa xác định được bị hại nên Cơ quan điều tra Công an thành phố P Ti tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Vật chứng thu giữ, quá trình điều tra xác định:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Exciter số khung: RLCUG0610HY569995, số máy: G3D4E595121; xe mô tô nhãn hiệu Exciter số khung: 1010JY073345, số máy: G3D4E839776 và xe mô tô nhãn hiệu Jupiter BKS 81B1-653.61 thuộc sở hữu của bị hại Rơ Châm By, Ksor Đi và Nguyễn Thị Ngọc L nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Đối với 01 túi nhựa màu xanh lá cây kích thước (20x21x11) cm, hai bên hông túi in hình gấu bông màu trắng; 01 cây bút xóa nhãn hiệu thiên long; 01 bảo hiểm xe mô tô của công ty Bảo Việt cấp cho xe mô tô BKS 81B1- 794.46 mang tên Nguyễn Tấn Thành; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm học sinh của công ty Bảo Việt cấp cho Nguyễn Nhật Long Bảo; 03 thẻ bảo hiểm y tế cấp cho Phan Thị Ti, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Nhật Long Bảo; 01 sổ hộ khẩu pho to mang tên chủ hộ là Phan Xuân Nhàn; 01 bộ giấy tờ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giữa Phan Thị Ti và công ty tài chính TNHHMTV Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng; 01 quyển vở Hồng Hà loại 96 trang cả bì đã cũ, kích thước (20,5 x 15,5) cm và 01 quyển vở nhãn hiệu Tân Vĩnh Tiến đã cũ không có bì, kích thước (20,5 x 15,5) cm thuộc sở hữu của chị Phan Thị Ti nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Đối với hành vi làm giả 02 biển số xe mô tô giả 81B2- 603.66 và 81B2- 136.82; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số: 092335 mang tên Võ Minh Khải và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số: 092335 mang tên Lê Trương Anh có liên quan đến hành vi phạm tội khác trên địa bàn thành phố P, tỉnh G nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh G để giải quyết theo quy định.

Đối với xe mô tô màu vàng đen, nhãn hiệu WAVETHAIS số khung: H3L1AA513335, số máy: 152FMH513335; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus số

Emei: 359179070282982, bên trong có sim số: 0869039781; 01 ví da màu đen kích thước (18x11,5) cm; số tiền 1.100.000 đồng; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV số 9704180108777913 mang tên “TA TRUNG THAI” thuộc sở hữu của Tạ Trung T chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

Đối với 01 điện thoại iphone 7 Plus số Emei 353812084464917, bên trong có sim số: 0327198181; 01 ví da màu đen kích thước (18x11,5) cm; số tiền 880.000 đồng; 01 thẻ ATM ngân hàng OCB số: 9704481081506018 mang tên “NGUYEN MINH PHUC”; 01 thẻ ATM ngân hàng Maritime Bank số: 9704266161595902 mang tên “NGUYEN MINH PHUC” thuộc sở hữu của Nguyễn Minh P chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

Đối với số tiền: 10.700.000 đồng trong tài khoản của thẻ ATM ngân hàng BIDV số: 9704180108777913 của Tạ Trung T và số tiền 39.008 đồng trong tài khoản thẻ ATM số: 9704481081506018 của Nguyễn Minh P, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh phong tỏa số tiền trong tài khoản để xử lý theo quy định.

Đối với 01 đĩa CD-R nhãn hiệu Maxell lưu dữ liệu hình ảnh Camera vụ trộm cắp xe mô tô tại quán cà phê Moka vào ngày 25 tháng 5 năm 2019 lưu cùng hồ sơ vụ án theo quy định.

Đối với các vật chứng gồm: Biển số xe mô tô 81B2-309.82 và 81B2-602.72, 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 81B1- 794.46; 01 ví nữ màu nâu của chị Phan Thị Ti; các xe mô tô BKS 81B1- 794.46, 81B1- 874.88, 81 B1-799.84 và 81B2-321.24 Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm thấy, khi nào tìm thấy sẽ xử lý sau.

Về dân sự:

- Bị hại Ksor Đi, Rơ Châm By, Nguyễn Thị Ngọc L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

- Đối với bị hại anh Lê Hoài N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 30.100.000 đồng, gia đình các bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000 đồng, anh Nam yêu cầu các bị cáo bồi thường Ti số tiền 20.100.000 đồng.

- Đối với bị hại chị Phan Thị Ti yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 34.200.000 đồng, gia đình các bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000 đồng, chị Ti yêu cầu các bị cáo bồi thường Ti số tiền 24.200.000 đồng.

- Đối với bị hại anh Vũ Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 25.600.000 đồng, gia đình các bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000 đồng, anh Hiếu yêu cầu các bị cáo bồi thường Ti số tiền 15.600.000 đồng .

- Đối với bị hại ông Nguyễn Ch yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 33.000.000 đồng, các bị cáo chưa bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, các bị cáo đồng ý với các Bản kết luận định giá tài sản số: 190 ngày 27 tháng 12 năm 2019; 59 ngày 28 tháng 11 năm 2019; 190 ngày 27 tháng 12 năm 2019; 115

ngày 01 tháng 12 năm 2019; 28 ngày 26 tháng 12 năm 2019; 27 ngày 25 tháng 12 năm 2019; 117 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản và không có ý kiến gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị Tạ Trung T từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584; 585; 586; 587; 588; 589 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu của những người bị hại là có cơ sở đề nghị HĐXX tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường theo quy định.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 3 năm 2019 đến ngày 22 tháng 11 năm 2019, Nguyễn Minh P và Tạ Trung T đã lợi dụng sở hữu của những bị hại thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện Đ, huyện Ch P và thành phố P, tỉnh G. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 07 chiếc xe mô tô các loại và số tiền 2.000.000đồng. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 192.900.000đồng.

Như vậy, hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Minh P bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh G ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 3 tại thành phố Đà Nẵng ngày 19 tháng 8 năm 2011, với thời hạn 24 tháng chấp hành đến ngày 22 tháng 8 năm 2013 thì về lại địa phương. Ngày 14 tháng 01 năm 2016, bị xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 10/2016/HSST ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G (chưa chấp hành xong phần dân sự của Bản án); chấp hành án tại Trại giam Gia Trung đến ngày 22 tháng 7 năm 2017 chấp hành xong về lại địa phương. Vì tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên thuộc trường hợp không có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự. Bị cáo Tạ Trung T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh G Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 3 tại thành phố Đà Nẵng ngày 22 tháng 12 năm 2011, với thời hạn 24 tháng, chấp hành đến ngày 23 tháng 12 năm 2013 thì về lại địa phương.

Các bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T phạm tội 02 lần trở lên (07 lần). Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tạ Trung T có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 10/2016/HSST ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G chưa được xóa án tích lại Tỉ tục phạm tội mới nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo Nguyễn

Minh P và Tạ Trung T đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả cho những bị hại. Bị cáo Tạ Trung T sau khi phạm tội ra đầu thú, bị hại Rơ Châm Bưng và Ksor Đi có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ nên là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh P cùng với bị cáo Tạ Trung T thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản, trong đó Nguyễn Minh P có 05 lần bị cáo khởi xướng việc phạm tội, quá trình phạm tội rất tích cực, bị cáo trực Ti vào dắt xe để trộm cắp 05 lần, trực Ti đấu nối dây điện của xe và chủ động liên lạc với người mua để bán xe, số tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội là 21.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Tạ Trung T cùng với bị cáo Nguyễn Minh P thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần bị cáo khởi xướng việc phạm tội, bị cáo trực Ti vào dắt xe để trộm cắp 02 lần, số tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội là 21.000.000 đồng nên bị cáo chịu trách nhiệm sau bị cáo P.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với đối tượng nam giới đã mua xe mô tô của các bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T do phạm tội mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra Ti tục điều tra làm rõ xử lý sau là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi làm giả, sử dụng 02 biển số xe mô tô giả 81B2- 603.66 và 81B2- 136.82; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số: 092335 mang tên Võ Minh Khải và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số: 092335 mang tên Lê Trương Anh xảy ra trên địa bàn thành phố P, tỉnh G nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh G để giải quyết theo quy định là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng Lê Công Anh là người cho bị cáo P mượn xe mô tô hiệu Honda Winer để đi phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên chưa có căn cứ để xử lý.

Cơ quan điều tra Ti tục điều tra làm rõ xử lý sau là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Vật chứng:

- Vật chứng thu giữ:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Exciter số khung: RLCUG0610HY569995, số máy: G3D4E595121; xe mô tô nhãn hiệu Exciter số khung: 1010JY073345, số máy: G3D4E839776 và xe mô tô nhãn hiệu Jupiter BKS 81B1-653.61 thuộc sở hữu của bị hại Rơ Châm By, Ksor Đi và Nguyễn Thị Ngọc L nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu là có cơ sở.

Đối với 01 túi nhựa màu xanh lá cây kích thước (20x21x11) cm, hai bên hông túi in hình gấu bông màu trắng; 01 cây bút xóa nhãn hiệu thiên long; 01 bảo hiểm xe mô tô của công ty Bảo Việt cấp cho xe mô tô BKS 81B1- 794.46 mang tên Nguyễn Tấn Thành; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm học sinh của công ty Bảo Việt cấp cho Nguyễn Nhật Long Bảo; 03 thẻ bảo hiểm y tế cấp cho Phan Thị Ti, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Nhật Long Bảo; 01 sổ hộ khẩu pho to mang tên chủ hộ là Phan Xuân Nhàn; 01 bộ giấy tờ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giữa Phan Thị Ti và công ty tài chính TNHHMTV Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng; 01 quyển vở Hồng Hà loại 96 trang cả bì đã cũ, kích thước (20,5 x 15,5) cm và 01 quyển vở nhãn hiệu Tân Vĩnh Tiến đã cũ không có bì, kích thước (20,5 x 15,5) cm thuộc sở hữu của chị Phan Thị Ti nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu là có cơ sở.

Đối với 01 xe mô tô màu vàng đen, nhãn hiệu WAVETHAIS số khung: H3L1AA513335, số máy: 152FMH513335 và 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus số Emei: 359179070282982 là tài sản của bị cáo T. Đây là phương tiện bị cáo T sử dụng để phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 sim số: 0869039781 của bị cáo T, sim số: 0327198181 của bị cáo P. Xét vật chứng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 ví da màu đen kích thước (18x11,5) cm là tài sản của bị cáo T; 01 ví da màu đen kích thước (18x11,5) cm là tài sản của bị cáo P. Xét vật chứng là tài sản của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 điện thoại iphone 7 Plus số Emei 353812084464917 là tài sản của bị cáo P sử dụng để phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV số 9704180108777913 mang tên “TA TRUNG THAI” thuộc sở hữu của Tạ Trung T; 01 thẻ ATM ngân hàng OCB số: 9704481081506018 mang tên “NGUYEN MINH PHUC”; 01 thẻ ATM ngân hàng Maritime Bank số: 9704266161595902 mang tên “NGUYEN MINH PHUC” thuộc

sở hữu của Nguyễn Minh P. Xét vật chứng trên là giấy tờ của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 1.100.000 đồng của bị cáo T; số tiền 880.000 đồng của bị cáo P; đối với số tiền: 10.700.000 đồng trong tài khoản của thẻ ATM ngân hàng BIDV số: 9704180108777913 của Tạ Trung T và số tiền 39.008 đồng trong tài khoản thẻ ATM số: 9704481081506018 của Nguyễn Minh P, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh phong tỏa số tiền trong tài khoản. Tổng số tiền là 12.719.008 đồng. Xét đây là tài sản riêng của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo, tuy nhiên các bị cáo phải thực hiện bồi thường dân sự cho các bị hại. Vì vậy, cần Tì tục tạm giữ để giải quyết bồi thường dân sự cho các bị hại.

Đối với 01 đĩa CD-R nhãn hiệu Maxell lưu dữ liệu hình ảnh Camera vụ trộm cắp xe mô tô tại quán cà phê Moka vào ngày 25 tháng 5 năm 2019, đây là chứng cứ phạm tội của các bị cáo, vì vậy Tì tục lưu cùng hồ sơ vụ án theo quy định.

- Đối với các vật chứng gồm: Biển số xe mô tô 81B2-309.82 và 81B2-602.72, 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 81B1- 794.46; 01 ví nữ màu nâu của chị Phan Thị Ti; các xe mô tô BKS 81B1- 794.46, 81B1- 874.88, 81 B1-799.84 và 81B2-321.24 Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm thấy, khi nào tìm thấy sẽ xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Ksor Đi, Rơ Châm By, Nguyễn Thị Ngọc L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Đối với bị hại anh Lê Hoài N yêu cầu các bị cáo bồi thường Tì số tiền 20.100.000 đồng. Đối với bị hại chị Phan Thị Ti yêu cầu các bị cáo bồi thường Tì số tiền 24.200.000 đồng. Đối với bị hại anh Vũ Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường Tì số tiền 15.600.000 đồng. Đối với bị hại ông Nguyễn Ch yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 33.000.000 đồng. Xét những yêu cầu trên là có cơ sở, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường theo những yêu cầu trên nên chấp nhận buộc các bị cáo liên đới bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo P và T thỏa thuận bồi thường số tiền là 12.719.008 đồng (gồm: số tiền 1.100.000 đồng của bị cáo T; số tiền 880.000 đồng của bị cáo P; số tiền: 10.700.000 đồng trong tài khoản của thẻ ATM ngân hàng BIDV số: 9704180108777913 của Tạ Trung T và số tiền 39.008 đồng trong tài khoản thẻ ATM số: 9704481081506018 của Nguyễn Minh P) cho bị hại ông Nguyễn Ch, các bị hại anh Lê Hoài N, chị Phan Thị Ti, anh Vũ Văn H và ông Nguyễn Ch đồng ý thỏa thuận này. Xét thỏa thuận là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh P;

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tạ Trung T;

- Căn cứ Điều 47; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 584; 585; 586; 587; 588; 589 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 143; 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh P, bị cáo Tạ Trung T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 30/11/2019).

Xử phạt bị cáo Tạ Trung T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 30/11/2019).

3. Về xử lý vật chứng:

Tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với:

+ 01 xe mô tô màu vàng đen, nhãn hiệu WAVETHAIS số khung: H3L1AA513335, số máy: 152FMH513335, dung tích xi Lh 108, màu sơn: vàng, đen;

+ 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus (đã cũ) số Emei: 359179070282982;

+ 01 điện thoại iphone 7 Plus (đã cũ) số Emei 353812084464917;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số: 0869039781 và 01 sim số: 0327198181;

- Trả lại cho Tạ Trung T: 01 ví da màu đen kích thước (18x11,5) cm; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV số 9704180108777913 mang tên “TA TRUNG THAI”;

- Trả lại cho Nguyễn Minh P: 01 ví da màu đen kích thước (18x11,5) cm; 01 thẻ ATM ngân hàng OCB số: 9704481081506018 mang tên “NGUYEN MINH PHUC”; 01 thẻ ATM ngân hàng Maritime Bank số: 9704266161595902 mang tên “NGUYEN MINH PHUC”.

- Bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Ch số tiền là 12.719.008đồng, gồm: số tiền 1.100.000 đồng của bị cáo T; số tiền 880.000 đồng của bị cáo P; số tiền: 10.700.000đồng trong tài khoản của thẻ ATM ngân hàng BIDV số: 9704180108777913 của Tạ Trung T và số tiền 39.008 đồng trong tài khoản thẻ ATM số: 9704481081506018 của Nguyễn Minh P.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/6/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G và Công an huyện Đ, tỉnh G.

4. Về dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T liên đới bồi thường cho những bị hại, theo đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Hoài N số tiền 10.500.000 đồng; chị Phan Thị Ti số tiền 12.100.000 đồng; anh Vũ Văn H số tiền 7.800.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Minh P phải bồi thường cho ông Nguyễn Ch số tiền 16.500.000 đồng, được khấu trừ đi số tiền 919.008đồng. Bị cáo Nguyễn Minh P phải Ti tục bồi thường cho ông Nguyễn Ch số tiền 15.580.992đồng.

Buộc bị cáo Tạ Trung T phải bồi thường cho ông Nguyễn Ch số tiền 16.500.000 đồng, được khấu trừ đi số tiền 11.800.000đồng. Bị cáo Tạ Trung T phải Ti tục bồi thường cho ông Nguyễn Ch số tiền 4.700.000đồng.

5. Về án phí:

Án phí hình sự: Xử buộc bị cáo Nguyễn Minh P và Tạ Trung T mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Minh P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.299.050đồng (hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn không trăm năm mươi đồng).

Buộc Tạ Trung T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.755.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, những bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử P thẩm. Đối với những bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ/VT.

Nguyễn Thị Hoài Thơ